

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 650/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2022

V/v Tranh chấp ly hôn và xác định cha cho con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Dương Hoàng Chinh

2/- Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và thụ lý số: 573A/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và xác nhận cha cho con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 706/2022/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn B – sinh năm: 1988

Thường trú: Lô M đường Nguyễn Thị N, khu nhà ở Đông N, tổ 10, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 76 Đường A khu nhà ở V, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Luật sư Văn phòng Luật sư H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bị đơn: Bà Võ Thị Diễm T – sinh năm: 1989

Thường trú: Lô M đường Nguyễn Thị N, khu nhà ở Đông N, tổ 10, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tranh tụng tại Tòa ông Nguyễn B là nguyên đơn trình bày: Ông B và bà Võ Thị Diễm T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi lập gia đình cả hai sống tự lập, theo ông B cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B phát hiện người con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông, việc này được bà T thừa nhận và ông B đã xét nghiệm AND đúng cháu T không phải là con ruột của ông B, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ tháng 5/2018 cả hai đã sống ly thân cho đến nay, thời gian ly thân không có ai tạo điều kiện hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do đó tại Tòa ông B xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh hiện tại thì ông B, bà T có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 và Nguyễn Thủy V – sinh ngày 13/11/2012. Tuy nhiên con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông B (đã có giám định AND). Do đó ông B yêu cầu Tòa án xem xét, tuyên không công nhận ông Nguyễn B là cha của cháu Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 và giao bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ Minh T. Đối với con chung tên Nguyễn Thủy V – sinh ngày 13/11/2012 ông đồng ý giao bà Võ Thị Diễm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thủy V mỗi tháng là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị Diễm T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên Tòa ông B xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị Diễm T.

Về con chung: Ông B đồng ý giao bà Võ Thị Diễm T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thủy V, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn. Đối với con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 ông đề nghị Tòa án tuyên không công nhận ông là cha ruột và giao bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết vụ án có vi phạm, cần rút kinh nghiệm. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Ông Nguyễn B và bà Võ Thị Diễm T tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 1/2009 ngày 21/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T hiện đang sinh sống và cư trú tại phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ông B là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và xác định cha cho con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn B và bà Võ Thị Diễm T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo lời trình bày của ông B do ông phát hiện người con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông và

bà T và ông đã thực hiện việc xét nghiệm AND đúng cháu T không phải là con ruột, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ tháng 5/2018 cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân không có ai tạo điều kiện để hàn gắn đoàn tụ gia đình. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Hiệp Bình P, thành phố T có nội dung: “Bà Võ Thị Diễm T - 1989 có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Lô M đường Nguyễn Thị N, khu nhà ở Đông N, tổ 10, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh”. Bà T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa, (bà T ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng), để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ bà T không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của ông B, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, việc ông B có đơn yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 56 quyển số 01/2010 ngày 09/6/2010 và Giấy khai sinh số 136 quyển số 01/2012 ngày 23/11/2012 thì ông Nguyễn B, bà Võ Thị Diễm T có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 và Nguyễn Thủy V – sinh ngày 13/11/2012. Tuy nhiên ông B xác định con chung tên Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông B.

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số: 6005/2021/QĐ -TCGD ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y AND số 1.268- 2021/ADN do Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2021 đã kết luận ông B không phải là người cha sinh học của Nguyễn Võ Minh T.

Như vậy có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông Nguyễn B. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn B về việc đề nghị Tòa án tuyên không công nhận ông là cha ruột và giao bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Võ Minh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ vào văn bản số 1075/UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của ông B, bà T có nội dung “ Qúa trình chung sống của ông Nguyễn B đối với bà Võ Thị Diễm T có mâu thuẫn về tình cảm, hiện tại ông Nguyễn B và bà Võ Thị Diễm T sống ở hai nơi khác nhau ... và ông Nguyễn B và bà Võ Thị Diễm T có chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thủy V...”

Xét hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thủy V – sinh ngày 13/11/2012, sau khi ly hôn ông B đồng ý giao bà T được tiếp tục nuôi con chung, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn là hoàn toàn tự

nguyên không trái với quy định của pháp luật và nguyện vọng của trẻ Nguyễn Thủy V, theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Đối với trẻ Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 ông B đề nghị Tòa án tuyên giao bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của trẻ Nguyễn Võ Minh T nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời trình bày của ông B tại phiên tòa về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xét. Ông B và bà T có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản sau khi ly hôn trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 ông Nguyễn B phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí xác định cha cho con và 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058945 ngày 05/4/2021 và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025987 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí xác định cha cho con và phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1, khoản 4 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn B và bà Võ Thị Diễm T.

b-/ Về con chung: Giao bà Võ Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thủy V – sinh ngày 13/11/2012, ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Thực hiện kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Xác định trẻ Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 không phải là con ruột của ông Nguyễn B. Giao bà Võ Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009.

Ông Nguyễn B hoặc bà Võ Thị Diễm T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cải chính lại hộ tịch trên giấy khai sinh cho trẻ Nguyễn Võ Minh T – sinh ngày 01/4/2009 theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bà Võ Thị Diễm T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Nguyễn B chưa thi hành, thì hàng tháng ông B còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

d-/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: ông Nguyễn B phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí xác định cha cho con và 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông B đã nộp theo B lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058945 ngày 05/4/2021 và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025987 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí xác nhận cha cho con và phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Hai bên đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bên đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ, VP.

Phạm Thị Thu